

BỘ CÔNG NGHIỆP**BỘ CÔNG NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2007/QĐ-BCN

Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH**ban hành Quy chế tổ chức kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ Công nghiệp****BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP**

Căn cứ Nghị định số 55/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 132/2005/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ về thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với công ty nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 224/2006/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kèm theo Quy chế giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính - Kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ Công nghiệp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng thuộc Bộ, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc các Tập đoàn, Tổng công ty và Giám đốc các công ty thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

Hoàng Trung Hải

QUY CHẾ

tổ chức kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ Công nghiệp

(ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-BCN
ngày 07 tháng 02 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty

1. Nhằm nắm bắt kịp thời thực trạng hiệu quả hoạt động của đơn vị để giúp đơn vị khắc phục tồn tại, hoàn thành mục tiêu và kế hoạch kinh doanh, nhiệm vụ công ích, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh và khả năng cạnh tranh; đồng thời góp phần hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật.

2. Thông qua đánh giá phân loại doanh nghiệp để có các biện pháp khuyến khích động viên về vật chất, tinh thần đối với những doanh nghiệp và người quản lý, điều hành doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả; xử lý kịp thời đối với những doanh nghiệp và người quản lý, điều hành doanh nghiệp yếu kém.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng đối với các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty là Công ty mẹ, Công ty và Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên thuộc Bộ Công nghiệp, Công ty thành viên của các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty mẹ.

2. Quy chế này không áp dụng đối với các Công ty cổ phần đã được Bộ Công nghiệp bàn giao cho Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Giám sát doanh nghiệp là việc theo dõi, kiểm tra doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh, hoạt động công ích, chấp hành chính sách pháp luật.

2. Đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp là việc sử dụng tiêu chí để xác định hiệu quả hoạt động và phân loại doanh nghiệp.

3. Tiêu chí đánh giá là hệ thống các chỉ tiêu, chuẩn mực dùng để xác định hiệu quả hoạt động và phân loại doanh nghiệp một cách toàn diện, khách quan.

Chương II

THỰC HIỆN GIÁM SÁT
DOANH NGHIỆP**Điều 4.** Doanh nghiệp tự giám sát

1. Các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty mẹ phải tổ chức tự giám sát tại Công ty mẹ và các Công ty thành viên. Các Công ty thành viên phải tổ chức tự giám sát trong nội bộ Công ty. Giám sát nội bộ doanh nghiệp được thực hiện theo các quy định trong Luật Doanh nghiệp, Quy chế quản lý tài chính doanh nghiệp, Quy chế thực hiện dân chủ ở doanh nghiệp, Quy chế kiểm toán nội bộ, Điều lệ doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật khác.

2. Chủ thể giám sát trong nội bộ doanh nghiệp:

a) Người quản lý, điều hành doanh nghiệp: Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc Phó giám đốc, Kế toán trưởng doanh nghiệp (sau đây gọi là Ban Giám đốc);

b) Người lao động trong doanh nghiệp;

c) Nội dung giám sát:

Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc doanh nghiệp thông qua Ban kiểm soát, kiểm toán nội bộ, các bộ phận chuyên

môn và nghiệp vụ của doanh nghiệp thực hiện giám sát theo các hình thức giám sát trước, trong và sau hoạt động của doanh nghiệp với các nội dung như sau:

- Xem xét tính hợp lý của việc huy động, phân phối và sử dụng các nguồn lực: tài sản, vật tư, tiền vốn, lao động vào các hoạt động đầu tư xây dựng, sản xuất kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp; việc tuyển dụng, sử dụng lao động và trả lương cho người lao động.

- Kiểm tra tính khả thi của các dự án, kế hoạch ngắn hạn và dài hạn; hiệu quả của dự án huy động vốn, dự án đầu tư xây dựng, các dự án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp; hiệu quả hoạt động của các bộ phận trong nội bộ doanh nghiệp; quản lý, sản xuất, tiêu thụ và các phương án kinh doanh.

- Theo dõi, kiểm tra quá trình thực hiện các dự án đầu tư, thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh; tình hình chấp hành các quy định của pháp luật, nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đối với doanh nghiệp không có Hội đồng quản trị. Thông qua người đại diện phần vốn góp giám sát tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các nội dung khác của doanh nghiệp mà mình có tham gia góp vốn.

- Theo dõi, kiểm tra việc phân phối

lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp; sử dụng các quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ dự phòng mất việc làm của doanh nghiệp đảm bảo quyền lợi, đúng chế độ của người lao động và quy chế nội bộ doanh nghiệp.

- Kiểm tra độ tin cậy của số liệu báo cáo tài chính, bao gồm: tài sản, công nợ, vốn, doanh thu, chi phí và các báo cáo khác của doanh nghiệp.

- Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc doanh nghiệp, hàng quý, năm tổ chức đánh giá tính hiệu lực và hiệu quả các nghị quyết, quyết định trong quản lý điều hành; hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Báo cáo về kết quả, những vấn đề tồn tại và đưa ra các quyết định về quản lý điều hành, các biện pháp xử lý hoặc kiến nghị với chủ sở hữu, với cơ quan chức năng của Nhà nước quyết định những vấn đề không thuộc thẩm quyền của doanh nghiệp;

d) Người lao động trong doanh nghiệp: Thông qua thanh tra nhân dân, tổ chức công đoàn và đại hội công nhân viên chức của tổ đội, phân xưởng và doanh nghiệp thực hiện giám sát theo hình thức tham gia thảo luận, góp ý kiến trước khi cấp có thẩm quyền quyết định và theo dõi quá trình thực hiện về các vấn đề sau:

- Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch,

biện pháp phát triển sản xuất, kinh doanh, sắp xếp tổ chức lại sản xuất kinh doanh của công ty.

- Các nội quy, quy chế của công ty liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động.

- Các biện pháp bảo hộ lao động, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất và tinh thần, vệ sinh môi trường, đào tạo và đào tạo lại nghề, nâng cao trình độ của người lao động trong doanh nghiệp.

- Bỏ phiếu thăm dò tín nhiệm đối với các chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị (nếu có), Ban Giám đốc doanh nghiệp khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

Điều 5. Xây dựng kế hoạch, chương trình kiểm tra, giám sát và thực hiện chế độ báo cáo

1. Hàng năm, các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty là công ty mẹ, Công ty thuộc Bộ có trách nhiệm chỉ đạo các doanh nghiệp thành viên thực hiện việc ký hợp đồng thuê kiểm toán báo cáo tài chính.

2. Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát của các Tập đoàn, Tổng công ty, công ty đối với từng đơn vị theo Biểu số 8 kèm Quy chế này gửi về Vụ Tài chính Kế toán Bộ Công nghiệp trước ngày 15 của tháng cuối quý I đầu năm.

3. Vào ngày 20 của tháng cuối quý, cuối năm, các đơn vị phải có báo cáo kết quả tình hình thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình tài chính của các đơn vị đã được kiểm tra trong quý, năm theo Biểu số 9 kèm theo Quy chế này gửi về Bộ Công nghiệp (Vụ Tài chính Kế toán).

4. Hàng năm các doanh nghiệp tự đánh giá, xếp loại doanh nghiệp và gửi báo cáo xếp loại doanh nghiệp theo: Biểu số 1, Biểu số 2, Biểu số 3, Biểu số 4, Biểu số 5, Biểu số 6, Biểu số 7 kèm theo Quy chế này. Thời hạn nộp báo cáo cùng với thời hạn nộp báo cáo tài chính quy định tại khoản 5 Điều này.

5. Báo cáo quyết toán tài chính năm gửi về Bộ Công nghiệp chậm nhất sau 90 ngày đối với các Tập đoàn, Tổng công ty và 60 ngày đối với các Công ty.

6. Xây dựng chương trình, kế hoạch thực hành tiết kiệm và tổng hợp báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo Phụ lục số 2 Chương trình hành động thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ở các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty và các đơn vị hành chính sự nghiệp của Bộ Công nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 2846/QĐ-BCN ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.

7. Hàng quý, năm các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty trực thuộc Bộ tổ chức đánh giá tính hiệu lực và hiệu quả các nghị quyết, quyết định trong quản lý điều hành; hàng năm đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp theo Biểu số 5 kèm theo Quy chế này và tổng hợp báo cáo những vấn đề còn tồn tại chưa xử lý kiến nghị với các cơ quan chức năng của Nhà nước để xem xét xử lý những vấn đề không thuộc thẩm quyền của doanh nghiệp.

Điều 6. Thực hiện giám sát của chủ sở hữu

1. Các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty là công ty mẹ, Công ty thuộc Bộ Công nghiệp được Chính phủ phân cấp hoặc ủy quyền là đại diện chủ sở hữu tại Công ty nhà nước tổ chức thực hiện việc giám sát và đánh giá hiệu quả doanh nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó:

a) Hội đồng quản trị Tổng công ty nhà nước thực hiện chức năng giám sát của Chủ sở hữu đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty thành viên hạch toán độc lập (sau đây gọi chung là Công ty thành viên) theo quy định tại Điều 6 của Quy chế được ban hành kèm theo Quyết định số 224/2006/QĐ-TTg.

Hội đồng quản trị Tổng công ty thực

hiện giám sát đối với Tổng giám đốc hoặc Giám đốc Công ty thành viên; người được ủy quyền đại diện chủ sở hữu hoặc đại diện phần vốn của Công ty nhà nước tại doanh nghiệp khác trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và điều lệ công ty;

b) Bộ Công nghiệp thực hiện chức năng giám sát theo quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 3 Điều 6 của Quy chế được ban hành kèm theo Quyết định số 224/2006/QĐ-TTg đối với các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước, Công ty nhà nước độc lập do Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ Công nghiệp quyết định thành lập;

c) Bộ Công nghiệp phối hợp với Bộ Tài chính tổ chức giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động và quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc về quyền hạn, trách nhiệm quy định tại các văn bản pháp luật và Điều lệ Công ty; tình hình tài chính và hiệu quả hoạt động của Công ty nhà nước.

2. Đối với doanh nghiệp nhà nước khác bao gồm: công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn có 2 thành viên trở lên có vốn góp chi phối của Nhà nước, công ty nhà nước thực hiện chức năng giám sát theo quy định tại Điều lệ công

ty và các nội dung giám sát của chủ sở hữu quy định tại khoản 3 Điều 6 Quy chế kèm theo Quyết định số 224/2006/QĐ-TTg.

Điều 7. Nội dung giám sát của Bộ Công nghiệp

1. Giám sát việc tổ chức hoạt động kinh doanh, thực hiện nhiệm vụ quản lý của Hội đồng quản trị, điều hành của Ban Giám đốc Công ty nhà nước; Ban Giám đốc Công ty thành viên; người được ủy quyền đại diện chủ sở hữu hoặc đại diện phần vốn của Công ty nhà nước tại doanh nghiệp khác.

2. Giám sát việc thực hiện mục tiêu nhiệm vụ được giao, chiến lược, kế hoạch sản xuất, kinh doanh hàng năm và dài hạn của Công ty nhà nước; xem xét tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động của Công ty nhà nước và khả năng thanh toán nợ của Công ty nhà nước.

3. Giám sát việc chấp hành các nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu, Hội đồng quản trị, Điều lệ của doanh nghiệp. Đánh giá hiệu quả các nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu liên quan đến quyền chủ sở hữu đối với hoạt động của doanh nghiệp.

Điều 8. Các hình thức giám sát doanh nghiệp

1. Giám sát gián tiếp là hình thức giám sát chủ yếu của Bộ Công nghiệp để theo dõi và kiểm tra hoạt động của doanh nghiệp thông qua kế hoạch và các báo cáo nêu tại Điều 5 của Quy chế này.

Các doanh nghiệp có trách nhiệm nộp đầy đủ, đúng hạn các kế hoạch và báo cáo theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này.

Vụ Tài chính Kế toán định kỳ tổ chức phân tích, đánh giá hiệu quả hoạt động và tình hình tài chính doanh nghiệp, người quản lý điều hành doanh nghiệp theo nội dung giám sát quy định tại khoản 3 Điều 6 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định 224/2006/QĐ-TTg.

2. Giám sát trực tiếp thông qua kiểm tra, nắm tình hình trực tiếp tại doanh nghiệp. Đây là giải pháp nhằm bổ sung cho hình thức giám sát gián tiếp, nhằm nâng cao hiệu quả công tác giám sát.

Căn cứ đặc điểm tình hình của các doanh nghiệp Bộ Công nghiệp có kế hoạch kiểm tra giám sát trực tiếp tại một số Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty mẹ và doanh nghiệp.

Để thực hiện kế hoạch giám sát trực tiếp, Bộ thành lập Tổ kiểm tra giám sát gồm các thành phần Vụ Tài chính Kế toán, Vụ Tổ chức Cán bộ, Vụ chuyên ngành và mời đại diện Cục Tài chính

doanh nghiệp Bộ Tài chính phối hợp tham gia.

Để phục vụ cho công tác kiểm tra giám sát trực tiếp, các đơn vị được kiểm tra giám sát trực tiếp phải chuẩn bị đầy đủ các tài liệu kế hoạch, báo cáo theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này, ngoài ra phải làm báo cáo tổng hợp tình hình kiểm tra giám sát của đơn vị theo quy định tại khoản 3 của Điều này.

3. Báo cáo tổng hợp tình hình kiểm tra giám sát của đơn vị gồm các nội dung sau:

a) Tình hình tổ chức, hoạt động kinh doanh, nhiệm vụ quản lý của Hội đồng quản trị, nhiệm vụ điều hành của Ban Tổng giám đốc, Ban Giám đốc Công ty thành viên;

b) Tình hình thực hiện nhiệm vụ của người và đơn vị được giao đại diện quản lý phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp khác;

c) Tình hình thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ được giao, chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn và hàng năm của Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty và các đơn vị thành viên;

d) Tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động của Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty và các đơn vị thành viên. Tình hình

bảo toàn vốn, tài sản và khả năng thanh toán nợ của Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty và các đơn vị thành viên;

đ) Việc chấp hành các nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu, Hội đồng quản trị, điều lệ của doanh nghiệp, đánh giá hiệu quả của các nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu đối với hoạt động của doanh nghiệp;

e) Tình hình thực hiện công tác kiểm toán, kiểm tra và công tác tự giám sát của Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty mẹ. Tình hình thực hiện các kiến nghị của các cơ quan kiểm toán, kiểm tra, thanh tra;

g) Tình hình xây dựng và thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty mẹ và các doanh nghiệp thành viên;

h) Tình hình tự đánh giá và xếp loại doanh nghiệp của Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty mẹ và các doanh nghiệp thành viên;

i) Các đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng cho các doanh nghiệp.

4. Thực hiện giám sát trước, trong và sau hoạt động của doanh nghiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 8 của Quy chế kèm theo Quyết định 224/2006/QĐ-TTg.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp trong quá trình giám sát

Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy chế kèm theo Quyết định số 224/2006/QĐ-TTg.

Điều 10. Nhiệm vụ và quyền hạn của Vụ Tài chính Kế toán và các Vụ chức năng thuộc Bộ Công nghiệp trong hoạt động giám sát

1. Tiếp nhận các báo cáo, ý kiến của doanh nghiệp phản ánh về chính sách, pháp luật đối với doanh nghiệp; tổ chức khảo sát, đánh giá về tác động của chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với doanh nghiệp. Kiến nghị sửa đổi, bổ sung chính sách, chế độ đối với doanh nghiệp.

2. Tổ chức giám sát doanh nghiệp theo chức năng và nhiệm vụ của mình, hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước, phát hiện kịp thời những tồn tại và khó khăn của doanh nghiệp để chỉ đạo doanh nghiệp tìm giải pháp hoặc có giải pháp giúp doanh nghiệp khắc phục.

3. Tổ chức kiểm tra theo kế hoạch hoặc đột xuất khi cần thiết. Việc kiểm tra được thực hiện theo chuyên đề hoặc toàn diện hoạt động của doanh nghiệp và theo đúng quy trình kiểm tra do pháp luật quy định.

4. Đưa ra những nhận xét, đánh giá và kết luận về những nội dung giám sát; yêu cầu doanh nghiệp đưa ra các giải pháp hoặc thực hiện các giải pháp khắc phục theo kết luận giám sát.

5. Tổng hợp kết quả đánh giá xếp loại doanh nghiệp báo cáo cơ quan chức năng của Nhà nước có liên quan.

6. Yêu cầu các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty là công ty mẹ, Công ty thuộc Bộ nộp đầy đủ, kịp thời các kế hoạch, báo cáo định kỳ và các báo cáo đột xuất để nghiên cứu, phân tích, tổng hợp phục vụ cho việc giám sát.

7. Yêu cầu doanh nghiệp khắc phục kịp thời những thiếu sót, tồn tại, thực hiện nghiêm chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Điều 11. Chế độ báo cáo

1. Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc Công ty nhà nước không có Hội đồng quản trị; Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty (đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên) có trách nhiệm lập báo cáo kết quả giám sát doanh nghiệp, kết quả hoạt động quản lý của mình và điều hành của Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, người đại diện theo ủy quyền hoặc đại diện phần vốn của Công ty nhà nước tại doanh nghiệp khác theo quy định tại Quy chế này.

2. Báo cáo kết quả giám sát được gửi tới Bộ Công nghiệp (đối với Công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ, Bộ quản lý ngành quyết định thành lập) và Bộ Tài chính. Đối với Công ty nhà nước đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ trực tiếp thực hiện một số quyền của chủ sở hữu thì báo cáo kết quả giám sát còn phải gửi Thủ tướng Chính phủ.

3. Vụ Tài chính Kế toán có trách nhiệm tổng hợp và báo cáo kết quả giám sát Công ty nhà nước, kết quả hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc hoặc giám đốc Công ty nhà nước theo quy định.

Chương III

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 13. Hệ thống chỉ tiêu đánh giá

Hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 12 của Quy chế được ban hành kèm theo Quyết định 224/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 13. Phương pháp đánh giá

Thực hiện theo quy định tại Điều 13 của Quy chế được ban hành kèm theo Quyết định 224/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 14. Xếp loại doanh nghiệp

Việc xếp loại doanh nghiệp và xếp loại kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 14 của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định 224/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 15. Công bố xếp loại doanh nghiệp nhà nước

1. Căn cứ vào quy định tại Quy chế này và các văn bản hiện hành của Nhà nước, hàng năm các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp độc lập trực thuộc Bộ tổ chức tự đánh giá và xếp loại doanh nghiệp; báo cáo kết quả tự xếp loại về Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty mẹ (đối với các doanh nghiệp thành viên) và Bộ Công nghiệp (đối với các doanh nghiệp trực thuộc Bộ). Báo cáo này được gửi cùng với báo cáo tài chính hàng năm của doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

2. Các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty mẹ tiến hành thẩm định và công bố kết quả xếp loại năm trước của các doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý trên trang tin điện tử Internet (Website) của

đơn vị hoặc đăng báo hàng ngày của Trung ương trong 03 số liên tiếp.

3. Trên cơ sở phân loại các doanh nghiệp thành viên, các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty mẹ tự đánh giá xếp loại doanh nghiệp đối với Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty mẹ kèm theo kết quả đánh giá phân loại các doanh nghiệp thành viên báo cáo Bộ Công nghiệp.

4. Bộ Công nghiệp thẩm tra và công bố kết quả phân loại các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty mẹ và các doanh nghiệp độc lập thuộc Bộ sau khi có ý kiến thỏa thuận bằng văn bản của Bộ Tài chính.

Điều 16. Khen thưởng và kỷ luật

1. Căn cứ mức độ hoàn thành nhiệm vụ và kết quả xếp loại doanh nghiệp hàng năm các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty mẹ quyết định khen thưởng đối với doanh nghiệp thành viên. Bộ Công nghiệp quyết định khen thưởng đối với các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty mẹ và các Công ty độc lập thuộc phạm vi quản lý của mình theo phân cấp tại Điều 16 Quy chế kèm theo Quyết định 224/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

2. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc các Tập đoàn, Tổng công ty và doanh nghiệp không hoàn thành nhiệm vụ, không báo cáo kết quả giám sát, đánh

giá và xếp loại doanh nghiệp theo quy định thì Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc phải chịu trách nhiệm và không được trích lập, sử dụng quỹ khen thưởng Ban quản lý điều hành.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Vụ Tài chính Kế toán chủ trì phối hợp với Vụ Tổ chức - Cán bộ hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quy chế này. Chủ trì xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh và giám sát thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty mẹ, Công ty trực thuộc Bộ và các đơn vị hành chính sự nghiệp. Tổng hợp kết quả thực hiện quý, năm gửi Bộ Tài chính và báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Vụ Tổ chức Cán bộ chủ trì phối hợp

với các Vụ chức năng thuộc Bộ thẩm tra hồ sơ và công bố xếp loại doanh nghiệp, khen thưởng, kỷ luật bộ máy điều hành các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty mẹ và các Công ty thuộc Bộ theo chế độ và phân cấp của Thủ tướng Chính phủ. Tổng hợp báo cáo xếp loại doanh nghiệp hàng năm gửi Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

3. Các Vụ chức năng, Thanh tra Bộ và Văn phòng Bộ thực hiện việc giám sát doanh nghiệp theo chức năng nhiệm vụ được giao.

4. Các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ có trách nhiệm tổ chức công tác tự giám sát trong Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty mẹ và các Công ty thành viên, báo cáo và chỉ đạo các đơn vị thành viên thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước và các quy định tại Quy chế này./.

BỘ TRƯỞNG

Hoàng Trung Hải

Biểu số 1
BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD CỦA DOANH NGHIỆP
Quý..... năm...

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm	Thực hiện quý...	Lũy kế	So sánh với cùng kỳ năm trước (%)
1	2	3	4	5	6	7
1	Tổng số doanh nghiệp	DN				
	- Doanh nghiệp có lãi	DN	x			
	- Doanh nghiệp hòa vốn	DN	x			
	- Doanh nghiệp lỗ	DN	x			
2	Tổng số lao động	người				
3	Tổng quỹ lương	Tr.đ				
4	Tổng số vốn Nhà nước (*)	Tr.đ				
5	Tổng số phát sinh phải nộp NS	Tr.đ				
6	Tổng nợ phải trả	Tr.đ	x			
	- Nợ Ngân hàng	Tr.đ	x			
	- Nợ quá hạn	Tr.đ	x			
7	Tổng tài sản	Tr.đ				
	Trong đó tổng nợ phải thu	Tr.đ	x			
	- Nợ khó đòi	Tr.đ	x			
8	Kết quả kinh doanh					
	- Doanh thu	Tr.đ				
	- Lãi thực hiện (không thuế)	Tr.đ				
	- Lỗ thực hiện	Tr.đ				

..... ngày..... tháng..... năm.....

Người lập biểu

Thủ trưởng đơn vị

Ghi chú:

- Công ty nhà nước độc lập không điền số liệu vào chỉ tiêu 1
- Các chỉ tiêu có dấu (*) cột kế hoạch năm lấy số dư đầu kỳ ghi trên báo cáo tài chính
- Các chỉ tiêu có dấu (x) ở cột kế hoạch năm không ghi số liệu

Biểu số 2

BÁO CÁO XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP

Doanh nghiệp hoạt động kinh doanh

Tên doanh nghiệp

Ngành nghề kinh doanh

TT	Chi tiêu	Doanh nghiệp tự xếp loại			Thẩm định của cơ quan cấp trên
		Năm trước	Năm nay	Tỷ lệ (%) (năm nay/ năm trước)	
Chỉ tiêu 1	Doanh thu và thu nhập khác hoặc sản lượng sản phẩm tiêu thụ trong kỳ (triệu đồng)				
Chỉ tiêu 2	Lợi nhuận thực hiện (triệu đồng) Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn NN (%)				
Chỉ tiêu 3	Nợ phải trả quá hạn (triệu đồng) Khả năng thanh toán nợ đến hạn				
Chỉ tiêu 4	Tình hình chấp hành các quy định hiện hành				
Chỉ tiêu 5	Tình hình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích				
		Doanh nghiệp xếp loại			

Xác nhận cơ quan cấp trên
(Ký tên, đóng dấu)

Người lập biểu

Giám đốc doanh nghiệp
(Ký tên, đóng dấu)

Biểu số 3

BÁO CÁO XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP

Doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ công ích của Nhà nước

Tên doanh nghiệp

Ngành nghề kinh doanh

TT	Chi tiêu	Doanh nghiệp tự xếp loại				Thẩm định của cơ quan cấp trên
		Năm trước	Năm nay	Tỷ lệ (%) N. nay/ N. trước	Xếp loại	
Chi tiêu 3	Nợ phải trả quá hạn (tr.đồng)					09674259
	Khả năng thanh toán nợ đến hạn					
Chi tiêu 4	Tình hình chấp hành các quy định pháp luật hiện hành					
Chi tiêu 5	Tình hình thực hiện nhiệm vụ công ích do Nhà nước giao (sản lượng, tấn...)	DN xếp loại	Năm nay			
			Năm trước			

Xác nhận cơ quan cấp trên
(Ký, đóng dấu)

Người lập biểu

Giám đốc doanh nghiệp
(Ký, đóng dấu)

Biểu số 4

BÁO CÁO XẾP LOẠI TỔNG CÔNG TY NHÀ NƯỚC, CÔNG TY MẸ

Tên doanh nghiệp

Ngành nghề kinh doanh

STT	Chi tiêu	Tỷ lệ % trên tổng doanh thu	Doanh nghiệp tự xếp loại	Thẩm định của cơ quan cấp trên
1	Doanh nghiệp thành viên (*)			
2	Doanh nghiệp thành viên			
3	Doanh nghiệp thành viên			
			
	Tổng doanh thu toàn Tổng công ty (Tr.đồng)			
	Tổng lợi nhuận toàn Tổng công ty (Tr.đồng) (**)			
	Xếp loại Tổng công ty:			
		Năm nay Năm trước		

Xác nhận của cấp trên

Người lập biểu

Giám đốc doanh nghiệp
(Ký, đóng dấu)

Ghi chú: (*) Doanh nghiệp thành viên gồm các công ty TNHH một thành viên, công ty thành viên hạch toán độc lập, Văn phòng Tổng công ty, Công ty cổ phần hoặc vốn góp chi phối của Tổng công ty (báo cáo gửi kèm Biểu số 2, Biểu số 3 của các doanh nghiệp thành viên

(**) Lợi nhuận đã bù trừ lãi, lỗ giữa các doanh nghiệp thành viên Tổng công ty

09674259

Biểu số 5

Chủ sở hữu

(HDQT Tổng công ty Nhà nước, Bộ quản lý ngành, UBND cấp tỉnh

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ DOANH NGHIỆP

Năm...

Tên DN	Loại hình DN (Công ty NN Công ty CP)	Chi tiêu 1 (tr.đ)			Chi tiêu 2				Chi tiêu 3			Chi tiêu 4	Xếp loại DN năm trước	Xếp loại DN năm nay	Chi tiêu 5	Xếp loại			
		Doanh thu và thu nhập khác	Năm trước	Năm nay	Xếp loại	Lợi nhuận (Tr.đ)	Vốn (Tr.đ)	Tỷ suất LN/vốn (%)	Xếp loại	Nợ quá hạn (Tr.đ)	Hệ số khả năng T/toán						Xếp loại		
DN kinh doanh:																			
DN...																			
DN...																			
DN...																			
DN công ích																			

09674259

Tên DN	Loại hình DN (Công ty NN Công ty CP)	Chi tiêu 1 (tr.đ)			Chi tiêu 2				Chi tiêu 3			Xếp loại DN năm trước	Xếp loại DN năm nay	Chi tiêu 5 Xếp loại	Chi tiêu 4 Xếp loại				
		Doanh thu và thu nhập khác	Năm trước	Năm nay	Xếp loại	Lợi nhuận (Tr.đ)	Năm trước	Năm nay	Vốn (Tr.đ)	Năm trước	Năm nay					Tỷ suất LN/vốn (%)	Xếp loại	Năm nay	Năm trước
DN...																			
DN...																			
DN...																			
TCTy DN																			
t/viên DN																			
t/viên DN																			
t/viên DN																			

Ngày..... tháng.... năm.....

Ghi chú: Chi tiêu vốn được xác định như sau: Công ty nhà nước là vốn nhà nước; Công ty cổ phần là vốn chủ sở hữu
Doanh nghiệp thành viên gồm các Công ty TNHH một thành viên Công ty thành viên Công ty thành viên hạch toán độc lập,
Công ty CP hoặc vốn góp chi phối của Tổng công ty.

Người lập biểu

Chủ sở hữu

(HĐQT, UBND CẤP TỈNH, BỘ, CƠ QUAN TW)

09674259

Biểu số 6

BÁO CÁO XẾP LOẠI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC

Năm ...

TT	Chi tiêu	Chi tiêu
1	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư (%) + Kế hoạch + Thực hiện	
2	Chấp hành các Nghị quyết, Quyết định của Chủ sở hữu, HĐQT, Điều lệ của Doanh nghiệp (đánh dấu x) + Chấp hành + Không chấp hành, không chấp hành đầy đủ	
3	Doanh nghiệp xếp loại (A, B hoặc C)	

Xếp loại (đánh dấu x)	DN tự xếp loại	Thẩm định của cấp trên
+ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ		
+ Hoàn thành nhiệm vụ		
+ Không hoàn thành nhiệm vụ		

Xác nhận của cơ quan cấp trên
(Ký, đóng dấu)

Người lập biểu

HĐQT
(Ký, đóng dấu)

Biểu số 7

CHỦ SỞ HỮU

(HĐQT, Bộ quản lý ngành, UBND cấp tỉnh)

CÔNG KHAI KẾT QUẢ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP

Năm...

Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Kết quả xếp loại DN năm nay	Kết quả xếp loại DN năm trước
Doanh nghiệp kinh doanh DN ... DN ... DN ...			
DN công ích DN... DN... DN...			
Tổng công ty DN thành viên DN thành viên DN thành viên			

Ghi chú: (in cùng bản công bố thông tin)

- Loại A: doanh nghiệp hoạt động kinh doanh có hiệu quả
- Loại B: doanh nghiệp hoạt động bình thường
- Loại C: doanh nghiệp hoạt động kinh doanh yếu kém

Xác nhận của cơ quan cấp trên
(Ký, đóng dấu)

Người lập biểu

Giám đốc doanh nghiệp
(Ký, đóng dấu)

Biểu số 8

Tên đơn vị: Tổng Công ty (Công ty) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH KIỂM TRA, GIÁM SÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA
 TẬP ĐOÀN, TỔNG CÔNG TY, CÔNG TY NĂM...

I. Chỉ tiêu số lượng: (ghi theo số lượng đơn vị)

1. Tổng số đơn vị thành viên:

Trong đó: - Doanh nghiệp độc lập:
 - Doanh nghiệp phụ thuộc:

Diễn giải	Thực hiện kiểm tra, giám sát năm trước	Kế hoạch kiểm tra, giám sát năm nay	Ghi chú
<p>2. Số đơn vị tiến hành hợp đồng thuê kiểm toán độc lập:</p> <p>Trong đó: - Doanh nghiệp độc lập: - Doanh nghiệp phụ thuộc:</p> <p>3. Số đơn vị Tập đoàn, Tổng Công ty (Công ty) tự tổ chức kiểm tra, kiểm toán nội bộ:</p> <p>Trong đó: - Doanh nghiệp độc lập: - Doanh nghiệp phụ thuộc:</p>			

II. Danh mục các đơn vị

Diễn giải	Nội dung kiểm toán
<p>1. Các đơn vị được kiểm toán độc lập</p> <p>a) Các doanh nghiệp độc lập: (Liệt kê cụ thể theo từng đơn vị)</p> <p>b) Các doanh nghiệp phụ thuộc: (Liệt kê cụ thể theo từng đơn vị)</p> <p>2. Các đơn vị được Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty trực thuộc Bộ kiểm tra, kiểm toán nội bộ</p> <p>a) Các doanh nghiệp độc lập (Liệt kê cụ thể theo từng đơn vị)</p> <p>b) Các doanh nghiệp phụ thuộc: (Liệt kê cụ thể theo từng đơn vị)</p> <p>3. Các đơn vị được Bộ Tài chính thanh tra, Kiểm toán NN kiểm toán, Thanh tra thuế thanh tra, Bộ CN Thanh tra và kiểm tra:</p> <p>a) Các doanh nghiệp độc lập: (Liệt kê cụ thể theo từng đơn vị)</p> <p>b) Các doanh nghiệp phụ thuộc: (Liệt kê cụ thể theo từng đơn vị)</p>	<p>Ghi khái quát nội dung kiểm toán (kiểm toán báo cáo tài chính, báo cáo đầu tư)</p> <p>Ghi khái quát nội dung kiểm tra, kiểm toán nội bộ</p> <p>Ghi khái quát nội dung thanh tra, kiểm toán</p>

III. Kiến nghị

Kiến nghị các cơ quan Nhà nước các giải pháp vượt quá thẩm quyền của Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty trực thuộc Bộ.

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Bộ Công nghiệp (Vụ TCKT)

II. Kết quả kiểm tra, giám sát và danh mục các đơn vị đã kiểm tra, giám sát từ đầu năm đến quý báo cáo

Diễn giải	Nội dung kiểm toán
<p>1. Các đơn vị được kiểm toán độc lập kiểm toán xong:</p> <p>a) Các doanh nghiệp độc lập: (Liệt kê cụ thể theo từng đơn vị)</p> <p>b) Các doanh nghiệp phụ thuộc: (Liệt kê cụ thể theo từng đơn vị)</p> <p>2. Các đơn vị được Tập đoàn, Tổng Công ty, Công ty trực thuộc Bộ kiểm tra, kiểm toán nội bộ xong:</p> <p>a) Các doanh nghiệp độc lập: (Liệt kê cụ thể theo từng đơn vị)</p> <p>b) Các doanh nghiệp phụ thuộc: (Liệt kê cụ thể theo từng đơn vị)</p> <p>3. Các đơn vị được Bộ Tài chính thanh tra, Kiểm toán NN kiểm toán, Thanh tra thuế thanh tra, Bộ CN Thanh tra và kiểm tra:</p> <p>a) Các doanh nghiệp độc lập: (Liệt kê cụ thể theo từng đơn vị)</p> <p>b) Các doanh nghiệp phụ thuộc: (Liệt kê cụ thể theo từng đơn vị)</p>	<p>Ghi khái quát những nội dung đã kiểm toán và kết quả kiểm toán</p> <p>Ghi khái quát những nội dung đã kiểm tra, kiểm toán nội bộ và kết quả kiểm tra, kiểm toán nội bộ</p>

09674259

III. Tình hình xử lý kết quả kiểm tra, giám sát

1. Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty trực thuộc Bộ đã ra các văn bản xử lý kết quả kiểm tra kiểm toán (Cần thống kê cụ thể từng văn bản và nội dung xử lý đối với từng đơn vị).

2. Kiến nghị các cơ quan Nhà nước các giải pháp vượt quá thẩm quyền của Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty trực thuộc Bộ.

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Bộ Công nghiệp (Vụ TCKT)